

Thời gian : 07h00 - 20/06/2010

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP											ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	NÓI		F	SỐ	CHỮ
				10	10	15	10					NÓI	ĐV	55		
1	152310488	Trương Văn Thịnh	D15KKT1	10	10	7.5	8					9.0	6.7	7.9	8.3	Tám phẩy Ba
2	152310492	Nguyễn Thị Phúc	D15KKT1	8	8	6	9					7.0	4.5	5.8	6.6	Sáu phẩy Sáu
3	152310495	Lê Văn Công	D15KKT1	9	9	7	7					4.0	2.7	3.4	5.4	Năm phẩy Bốn
4	152310497	Đặng Quốc Linh	D15KKT1	10	10	7	8					6.0	4.3	5.2	6.7	Sáu phẩy Bảy
5	152310504	Lê Thị Minh Tâm	D15KKT1	8	10	7	8					7.0	3.8	5.4	6.6	Sáu phẩy Sáu
6	152310505	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	D15KKT1	9	10	7	6					6.0	4.2	5.1	6.4	Sáu phẩy Bốn
7	152310507	Phan Thủy An	D15KKT1	7	8	6	6					6.0	4.5	5.3	5.9	Năm phẩy Chín
8	152310509	Nguyễn Bảo Phương	D15KKT1	7	7	6	6					6.0	5.0	5.5	5.9	Năm phẩy Chín
9	152310511	Đặng Thị Mỹ Phẩm	D15KKT1	10	10	6.5	8					6.5	4.5	5.5	6.8	Sáu phẩy Tám
10	152310512	Đỗ Thị Duyên	D15KKT1	10	10	8	8					8.5	4.7	6.6	7.6	Bảy phẩy Sáu
11	152310513	Phan Thị Thanh Huyền	D15KKT1	9	10	7	8					6.0	5.2	5.6	6.8	Sáu phẩy Tám
12	152310514	Nguyễn Thị Thu Giang	D15KKT1	9	9	8	8.5					8.0	6.0	7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy
13	152310515	Trần Ngọc Tuấn	D15KKT1	10	10	7	7					7.0	6.0	6.5	7.3	Bảy phẩy Ba
14	152310518	Hoàng Thị Hồng Nhung	D15KKT1	9	10	7.5	9					7.0	4.5	5.8	7.1	Bảy phẩy Một
15	152310520	Hà Trung	D15KKT1	10	9	7.5	8					6.0	5.0	5.5	6.9	Sáu phẩy Chín
16	152310522	Nguyễn Thị Thanh Hồng	D15KKT1	8	10	6.5	7.5					7.0	3.2	5.1	6.3	Sáu phẩy Ba
17	152310525	Nguyễn Quỳnh Thuy Cao	D15KKT1	9	8	7.5	8.5					5.5	5.2	5.4	6.6	Sáu phẩy Sáu
18	152310526	Lê Kim Phước Thanh	D15KKT1	10	10	7	7					7.0	5.7	6.4	7.3	Bảy phẩy Ba
19	152310529	Phạm Thị Quyên	D15KKT1	9	9	7	8					5.0	5.0	5.0	6.4	Sáu phẩy Bốn
20	152310532	Trần Thị Kim Phượng	D15KKT1	8	8	6.5	9					5.0	5.3	5.2	6.3	Sáu phẩy Ba
21	152310533	Hoàng Thị Thanh Trà	D15KKT1	9	10	8	9					7.5	6.7	7.1	7.9	Bảy phẩy Chín
22	152310535	Trần Thị Thuý	D15KKT1	10	10	8	8					8.0	5.8	6.9	7.8	Bảy phẩy Tám
23	152310540	Nguyễn Hương Quỳnh	D15KKT1	9	10	7	8					7.0	5.7	6.4	7.3	Bảy phẩy Ba
24	152310542	Trần Thị Ngọc Lan	D15KKT1	9	10	6.5	7					7.5	3.5	5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu
25	152310550	Huỳnh Thị Thùy Trang	D15KKT1	7	7	6	6					8.0	4.5	6.3	6.4	Sáu phẩy Bốn
26	152310552	Nguyễn Thị Thu Hằng	D15KKT1	10	10	8	7					7.0	4.3	5.7	7.0	Bảy
27	152310553	Trần Ngọc Bích Trâm	D15KKT1	7	7	6	6					7.0	5.7	6.4	6.4	Sáu phẩy Bốn
28	152310558	Phan Thị Mỹ Liên	D15KKT1	7	9	7	6					6.5	4.0	5.3	6.2	Sáu phẩy Hai
29	152310559	Lê Thị Thảo Nguyên	D15KKT1	7	8	6.5	6					6.5	4.7	5.6	6.2	Sáu phẩy Hai
30	152310560	Nguyễn Thị Lê	D15KKT1	8	7	7	7					6.5	5.5	6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu
31	152320566	Trần Thị Thu Hương	D15KKT1	10	10	7.5	8					8.0	6.5	7.3	7.9	Bảy phẩy Chín

Đà Nẵng, ngày
PHÒNG ĐÀO TẠO

LẬP BẢNG ĐIỂM

KIỂM TRA ĐIỂM

TRƯỞNG KHOA



DƯƠNG T. Q. KHÁNH

Thời gian : 07h00 - 20/06/2010

HỌC KỲ : 2
LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP												ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	NÓI		F	SỐ	CHỮ	
				10	10	15	10					NÓI	ĐV	55			
32	152320633	Nguyễn Thị Tú Uyên	D15KKT1	10	10	7	8					7.5	5.2	6.4	7.4	Bảy phẩy Bốn	
33	152320640	Trương Tấn Tú	D15KKT1	10	10	7.5	7					7.5	4.2	5.9	7.1	Bảy phẩy Một	
34	152320719	Võ Thoại Vi	D15KKT1	8	8	7	6					7.0	5.5	6.3	6.7	Sáu phẩy Bảy	
35	152320725	Trần Thị Diệu	D15KKT1	8	9	7	8					6.5	4.7	5.6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
36	152320741	Phùng Thị Thu Hà	D15KKT1	10	10	7.5	8.5					6.5	3.8	5.2	6.8	Sáu phẩy Tám	
37	152320781	Lê Ni	D15KKT1	8	9	7.5	8					6.0	4.5	5.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
38	152310487	Nguyễn Thị Liễu	D15KKT2	10	6	7.8	6					8.0	5.8	6.9	7.2	Bảy phẩy Hai	
39	152310496	Lê Ngọc Hưng	D15KKT2	8	6	8.5	7.4					7.5	5.3	6.4	6.9	Sáu phẩy Chín	
40	152310498	Hồ Thị Hồng	D15KKT2	9	6	7.5	4.6					7.0	5.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
41	152310499	Nguyễn Thị Hồng Lệ	D15KKT2	10	6	7.5	5.2					6.5	6.2	6.4	6.8	Sáu phẩy Tám	
42	152310500	Phạm Văn Công	D15KKT2	9	5	7.5	6.8					6.5	4.2	5.4	6.2	Sáu phẩy Hai	
43	152310501	Thân Trọng Minh Nhật	D15KKT2	8	6	8.8	6.8					6.0	4.0	5.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
44	152310502	Hồ Việt Thành	D15KKT2	8.5	5	8.3	5.8					6.5	2.8	4.7	5.8	Năm phẩy Tám	
45	152310503	Trương Anh Tú	D15KKT2	9	5	7.8	6.8					6.5	2.0	4.3	5.6	Năm phẩy Sáu	
46	152310517	Hồ Đặc Quý	D15KKT2	8.5	6	6.5	5.4					5.5	3.2	4.4	5.4	Năm phẩy Bốn	
47	152310519	Lê Việt Hải	D15KKT2	9.5	5	8.8	7.8					6.0	4.5	5.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
48	152310521	Nguyễn Đoàn Xuân Phú	D15KKT2	6	5	9.5	6.2					5.5	3.7	4.6	5.7	Năm phẩy Bảy	
49	152310530	Lương Thị Vân Tiên	D15KKT2	7	6	8.8	6.2					5.5	4.7	5.1	6.0	Sáu	
50	152310536	Nguyễn Thị Tuyết	D15KKT2	10	8	9.8	5.6					5.5	4.5	5.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
51	152310537	Nguyễn Thị Phụng	D15KKT2	8	7	8.8	6.2					6.5	7.0	6.8	7.2	Bảy phẩy Hai	
52	152310538	Nguyễn Thị Bích Đào	D15KKT2	10	6	9	6.4					7.5	6.5	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
53	152310539	Huỳnh Thị Kim Chi	D15KKT2	5	6	6.4	5					6.5	3.7	5.1	5.4	Năm phẩy Bốn	
54	152310541	Nguyễn Thị Minh Tân	D15KKT2	9.5	5	8.3	6.2					7.5	6.2	6.9	7.1	Bảy phẩy Một	
55	152310543	Nguyễn Thị Trúc Hà	D15KKT2	7.5	7	8.3	6					8.0	5.5	6.8	7.0	Bảy	
56	152310544	Nguyễn Thị Kiều Oanh	D15KKT2	8	8	8	6					7.0	4.8	5.9	6.6	Sáu phẩy Sáu	
57	152310545	Trần Phương Thảo	D15KKT2	9	6	7	5.6					6.0	5.8	5.9	6.4	Sáu phẩy Bốn	
58	152310546	Huỳnh Kỳ Vệ	D15KKT2	7.5	6	6	5.2					6.5	5.0	5.8	6.0	Sáu	
59	152310548	Dương Thị Quỳnh Trâm	D15KKT2	10	6	9	5.6					8.0	5.2	6.6	7.1	Bảy phẩy Một	
60	152310549	Nguyễn Thị Kim Phượng	D15KKT2	8	6	8.8	5.8					6.0	7.2	6.6	6.9	Sáu phẩy Chín	
61	152310551	Phạm Văn Sơn	D15KKT2	9	5	7	5.6					6.0	5.5	5.8	6.2	Sáu phẩy Hai	
62	152310556	Hoàng Thị Quỳnh	D15KKT2	9	6	8.3	5.4					6.0	5.2	5.6	6.4	Sáu phẩy Bốn	

Đà Nẵng, ngày

LẬP BẢNG ĐIỂM

KIỂM TRA ĐIỂM

TRƯỞNG KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO



DƯƠNG T. Q. KHÁNH

Thời gian : 07h00 - 20/06/2010

HỌC KỲ : 2
LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP												ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	NÓI		F	SỐ	CHỮ	
				10	10	15	10					NÓI	ĐV	55			
63	152320586	Đặng Thị Diệu	Hiền	D15KKT2	10	8	7.5	5.8					6.0	4.5	5.3	6.4	Sáu phẩy Bốn
64	152320610	Ngô Xuân	Long	D15KKT2	10	10	7.8	5.6					6.5	4.0	5.3	6.6	Sáu phẩy Sáu
65	152320679	Trần Nhựt	Thắng	D15KKT2	0	0	0	0					P	P	P	P	Nợ HP
66	152320714	Nguyễn Thị Thanh	Ly	D15KKT2	9	8	9.3	6.6					6.0	5.7	5.9	7.0	Bảy
67	152320718	Lê Thị Minh	Châu	D15KKT2	6	6	7.3	5.8					6.0	3.7	4.9	5.6	Năm phẩy Sáu
68	152320731	Nguyễn Thị	Nở	D15KKT2	9	6	8	5.8					6.5	3.3	4.9	6.0	Sáu
69	152320734	Mai Thị Thanh	Tâm	D15KKT2	0	0	0	0					P	P	P	P	Nợ HP
70	152320748	Nguyễn Thị Mai	Lan	D15KKT2	9	5	8	6.6					6.5	6.8	6.7	6.9	Sáu phẩy Chín
71	152320773	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	D15KKT2	9	7	7.5	6					8.0	6.2	7.1	7.2	Bảy phẩy Hai
72	152320778	Trịnh Thị Khánh	Linh	D15KKT2	8.5	6	7.3	6					7.5	6.3	6.9	6.9	Sáu phẩy Chín

BẢNG THỐNG KÊ ĐIỂM TỔNG KẾT

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %
1	Số sinh viên đạt	70	97.22%
2	Số sinh viên nợ	2	02.78%
TỔNG CỘNG :		72	100.00%

LẬP BẢNG ĐIỂM

KIỂM TRA ĐIỂM

TRƯỞNG KHOA

Đà Nẵng, ngày

PHÒNG ĐÀO TẠO



DƯƠNG T. Q. KHÁNH